BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2024/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024*

THÔNG TƯ

Quy định phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh (sau đây gọi là dự án), bao gồm:

a) Phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng; thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;

b) Thẩm quyền, trình tự thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Thẩm quyền, trình tự thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán, tổng dự toán xây dựng;

d) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

đ) Trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong đầu tư xây dựng công trình an ninh.

2. Dự án áp dụng hình thức hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình (Engineering - Procurement - Construction, sau đây gọi là hợp đồng EPC) thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Việc quyết định đầu tư dự án xây dựng sử dụng vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Đối với hoạt động chuẩn bị xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng xây dựng, giám sát thi công xây dựng, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng công trình, quyết toán hợp đồng xây dựng, quyết toán dự án đầu tư xây dựng và các hoạt động đầu tư xây dựng khác không được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương); cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người quyết định đầu tư xây dựng* là Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng.

2. *Người được ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng* là Thủ trưởng Cơ quan Bộ Công an được Bộ trưởng Bộ Công an ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng.

3. *Đơn vị được phân cấp quyết định đầu tư xây dựng* là Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. *Cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Công an* là Cục Quản lý xây dựng và doanh trại.

5. *Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương* là Phòng Hậu cần hoặc đơn vị có chuyên môn về xây dựng trực thuộc, được giao quản lý xây dựng.

6. *Cơ quan Bộ Công an* là các đơn vị nghiệp vụ, tham mưu, chính trị, hậu cần, thanh tra thuộc cơ quan bộ; các học viện, trường Công an nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, bệnh viện trực thuộc Bộ Công an và các tổ chức khác trực thuộc Bộ Công an được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính về trình tự, thủ tục, hồ sơ, kết quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát và tiêu cực khác trong đầu tư xây dựng. Không chia nhỏ dự án để áp dụng quy định về phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng tại Thông tư này.

2. Chỉ phê duyệt dự án sau khi có quyết định chủ trương đầu tư. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương được phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt thủ tục đầu tư xây dựng phải tuân thủ nội dung chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

3. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về các quyết định của mình. Người được ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng không được ủy quyền tiếp.

4. Dự án có hạng mục công trình giam giữ, hạng mục công trình phục vụ giam giữ hoặc các hạng mục công trình khác sử dụng thiết kế mẫu do Bộ Công an ban hành phải áp dụng đúng mẫu.

5. Công an các đơn vị, địa phương và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước khi thực hiện công tác đầu tư xây dựng công trình an ninh theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

6. Bảo đảm tuân thủ tổng mặt bằng xây dựng, quy hoạch xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng công trình an ninh phải bảo đảm điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG; THẨM QUYỀN THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Điều 5. Nội dung, phạm vi phân cấp, ủy quyền

1. Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định đầu tư xây dựng đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng, dự án đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn.

2. Bộ trưởng Bộ Công an ủy quyền:

a) Thủ trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Hậu cần quyết định đầu tư xây dựng đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng;

b) Thủ trưởng Cơ quan Bộ Công an là đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3 (trừ các đơn vị quy định tại điểm a Khoản này) quyết định đầu tư xây dựng đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định, thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư xây dựng dự án nhóm B, nhóm C có sử dụng vốn đầu tư công do Bộ Công an quản lý (trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2019).

2. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư. Trong trường hợp cần thiết, Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư. Tùy thuộc yêu cầu của từng dự án, thành viên tham gia Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm đại diện Cục Kế hoạch và tài chính, Cục Quản lý xây dựng và doanh trại và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Mục 2

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, BÁO CÁO KINH TẾ-KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 7. Thẩm quyền và nội dung thẩm định

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương tổ chức thẩm định đối với dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng tại Điều 5 Thông tư này. Căn cứ theo tính chất, quy mô của từng dự án, trong trường hợp cần thiết Công an các đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định, thông báo kết quả để Công an các đơn vị, địa phương tổ chức phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án khi không có cơ quan chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 (sau đây gọi là Luật số 62/2020/QH14).

4. Nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

Điều 8. Hồ sơ trình thẩm định

Hồ sơ trình thẩm định bao gồm các tài liệu:

1. Tài liệu quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

2. Tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Tài liệu quy định tại Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

4. Tài liệu khác có liên quan đến dự án để bảo đảm yêu cầu công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 9. Trình tự thẩm định

1. Gửi hồ sơ trình thẩm định:

a) Dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình gửi Lãnh đạo Bộ Công an; đồng thời gửi Tờ trình và

hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này đến Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

b) Dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng: Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án lập Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này để trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định:

a) Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong trường hợp trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định không đúng với thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 Thông tư này hoặc hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

b) Tạm dừng thẩm định trong trường hợp: Trong thời gian 18 ngày (kể từ ngày cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu) người đề nghị thẩm định không thực hiện bổ sung hồ sơ hoặc trong thời gian nêu trên không thể khắc phục các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết quả thẩm định;

c) Trường hợp từ chối tiếp nhận hoặc tạm dừng thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận, tạm dừng thẩm định và báo cáo người quyết định đầu tư xây dựng. Người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại sau khi thực hiện xong các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Căn cứ tính chất đặc điểm của từng dự án cơ quan chuyên môn về xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng cần lấy ý kiến Cục Kế hoạch và tài chính. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi ý kiến tham gia bằng văn bản trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tham gia ý kiến;

đ) Cơ quan chuyên môn về xây dựng gửi văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định về thời gian thẩm định trong trường hợp hồ sơ đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định theo quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, hồ sơ và trình tự thẩm định thực

hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP. Trong quá trình tổ chức thẩm định, chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm phối hợp gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để thống nhất nội dung về mục tiêu, quy mô đầu tư, thiết kế cơ sở, tiêu chuẩn, định mức và việc đáp ứng yêu cầu về công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân trước khi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định phê duyệt dự án. Thời gian tham gia ý kiến không quá 10 ngày kể từ ngày Bộ Công an nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm định.

5. Thời gian thực hiện thẩm định, việc báo cáo kết quả thẩm định, đóng dấu, lưu hồ sơ thẩm định và phê duyệt dự án sau khi thẩm định được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Việc điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công, Điều 61 của Luật Xây dựng năm 2014, khoản 18 và điểm c khoản 64 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng mà việc thực hiện điều chỉnh dự án khác với nội dung đã thống nhất với ý kiến của Bộ Công an thì chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để thống nhất các nội dung điều chỉnh trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Việc thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

Mục 3

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ VÀ DỰ TOÁN, TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế xây dựng

1. Người quyết định đầu tư xây dựng phê duyệt thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước.

2. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế ba bước đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền.

3. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 12. Thẩm quyền và nội dung thẩm định thiết kế xây dựng

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng tại Điều 5 Thông tư này và thiết kế bản vẽ thi công đối với công trình thiết kế ba bước do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư. Căn cứ theo tính chất, quy mô của từng dự án, trong trường hợp cần thiết Công an các đơn vị, địa phương có văn bản đề nghị Cục Quản lý xây dựng và doanh trại tổ chức thẩm định, thông báo kết quả để Công an các đơn vị, địa phương tổ chức phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Chủ đầu tư quyết định việc kiểm soát thiết kế theo quy định tại hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan đối với các bước thiết kế còn lại (nếu có).

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định đầu tư giao chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc tổ chức thực hiện việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 83, Điều 83a, Điều 84 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25, khoản 26 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

5. Đối với dự án có nhiều công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý chi phí để bảo đảm việc lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở không vượt tổng mức đầu tư, tổng dự toán được duyệt và bảo đảm quy mô, mục tiêu, thiết kế cơ sở được duyệt.

6. Nội dung thẩm định thiết kế xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng

Hồ sơ trình thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP và các tài liệu khác có liên quan đến thiết kế xây dựng để bảo đảm yêu cầu công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 14. Trình tự thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng

1. Gửi hồ sơ trình thẩm định:

a) Thiết kế xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt: Người đề nghị thẩm định lập Tờ trình gửi Lãnh đạo Bộ Công an; đồng thời gửi Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này đến Cục Quản lý xây dựng và doanh trại;

b) Thiết kế xây dựng do Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương phê duyệt: Đơn vị được giao nhiệm vụ lập Tờ trình và hồ sơ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này để trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định:

a) Từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong trường hợp trình cơ quan chuyên môn về xây dựng không đúng với thẩm quyền theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư này hoặc hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Tạm dừng thẩm định trong trường hợp: Trong thời gian 18 ngày (kể từ ngày cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu) người đề nghị thẩm định không thực hiện bổ sung hồ sơ hoặc trong thời gian nêu trên không thể khắc phục các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết quả thẩm định;

c) Trường hợp từ chối tiếp nhận hoặc tạm dừng thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng trả lại hồ sơ trình thẩm định và có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận, tạm dừng thẩm định và báo cáo người quyết định đầu tư xây dựng. Người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại sau khi thực hiện xong các yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

d) Căn cứ tính chất đặc điểm của từng dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao gửi ý kiến tham gia bằng văn bản trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tham gia ý kiến;

đ) Cơ quan chuyên môn về xây dựng gửi văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định về thời gian thẩm định trong trường hợp hồ sơ trình thẩm định thiết kế đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định, báo cáo kết quả thẩm định đến cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế xây dựng xem xét, quyết định theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này; việc phê duyệt thiết kế xây dựng được thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định từ Điều 35 đến Điều 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10, khoản 11 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

5. Trong quá trình thẩm định, trường hợp cần thiết, cơ quan chuyên môn về xây dựng được yêu cầu người đề nghị thẩm định lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra các nội dung cần thiết phục vụ thẩm định theo quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

6. Thời gian thực hiện thẩm định; việc đóng dấu, lưu hồ sơ thẩm định được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 15. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán

1. Các trường hợp được điều chỉnh thiết kế và dự toán:

a) Thiết kế xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Xây dựng năm 2014;

b) Dự toán xây dựng được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 64 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư xây dựng:

a) Cục Quản lý xây dựng và doanh trại thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán trong các trường hợp sau: Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế cơ sở; điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình; điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt tổng dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt; điều chỉnh thiết kế đối với các thiết kế mẫu công trình giam giữ, công trình nghiệp vụ do Bộ Công an ban hành;

b) Các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a Khoản này, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương thẩm định trình Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phê duyệt.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán đối với dự án do Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư: Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Công an các đơn vị, địa phương thẩm định trình Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương phê duyệt.

4. Việc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư này.

5. Đối với gói thầu đã hình thành hợp đồng xây dựng, khi điều chỉnh thiết kế, dự toán dẫn đến điều chỉnh hợp đồng xây dựng đã ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì việc điều chỉnh thiết kế, dự toán phải phù hợp với quy định về điều chỉnh hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng và hợp đồng đã ký.

Mục 4
KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 16. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình thuộc dự án do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình an ninh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có dự án thực hiện theo quy định.

Điều 17. Nội dung, trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

Thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 5
TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 18. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại

1. Chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công an quản lý, tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định về hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh quy định tại Thông tư này.

2. Tham mưu đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an trong tổ chức, thực hiện kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh.

3. Phối hợp với Cục Công tác đảng và công tác chính trị đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an về hình thức khen thưởng và kỷ luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng của Công an các đơn vị, địa phương.

4. Tham gia thanh tra hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng công trình an ninh khi có yêu cầu.

5. Phối hợp thẩm định phần xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng khi được lãnh đạo Bộ Công an giao hoặc khi có yêu cầu của đơn vị chủ trì thẩm định.

Điều 19. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương

đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng, công tác quản lý chất lượng công trình khi nhận được đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

2. Đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư xây dựng, chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt và hồ sơ kèm theo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để theo dõi, quản lý trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

Điều 20. Công an các đơn vị, địa phương

1. Công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và Thông tư này.

2. Sau khi quyết định các nội dung được phân cấp, ủy quyền trong thời hạn không quá 10 ngày, Công an các đơn vị, địa phương phải gửi Quyết định phê duyệt và hồ sơ kèm theo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để theo dõi, quản lý; đồng thời gửi các Quyết định phê duyệt về Cục Kế hoạch và tài chính để bố trí kế hoạch vốn thực hiện.

3. Công tác xác định, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu thực hiện theo quy định từ Điều 16 đến Điều 19 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Hủy kết quả thẩm định và thu hồi quyết định phê duyệt theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về xây dựng Bộ Công an.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Thông tư số 138/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân cấp, ủy quyền, thẩm quyền, trình tự thực hiện một số nội dung về đầu tư xây dựng trong Công an nhân dân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự án đã được Bộ trưởng Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được phê duyệt dự án trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với dự án đã được Bộ trưởng Bộ Công an quyết định đầu tư có tổng mức đầu tư trong phạm vi phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư tại Thông tư này, khi điều chỉnh dự án thì thẩm quyền quyết định điều chỉnh thực hiện theo Thông tư này.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi điều chỉnh theo Thông tư này đã được phê duyệt dự án nhưng chưa được phê duyệt thiết kế, tổng dự toán thì thực hiện theo quy định của Thông tư này.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán, tổng dự toán trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc điều chỉnh thiết kế, dự toán, tổng dự toán thực hiện theo quy định của Thông tư này.

5. Đối với dự án chưa triển khai thi công và đang triển khai thi công thì việc nghiệm thu công trình thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Quản lý xây dựng và doanh trại có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xây dựng và doanh trại) để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, H02 (P5).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

Mẫu số 01. Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng (Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BCA ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

(Cấp trên cơ quan chủ trì thẩm định) **(Cơ quan chủ trì thẩm định)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…	*……, ngày ….. tháng ….. năm …..*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định thiết kế xây dựng *(tên công trình)*

Kính gửi: …….*(thủ trưởng cấp phê duyệt thiết kế xây dựng)*

(Cơ quan chủ trì thẩm định) đã nhận Tờ trình số …… ngày ….. của *(cấp đề nghị thẩm định)*… trình thẩm định hồ sơ thiết kế xây dựng công trình …;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ hồ sơ kèm theo Tờ trình số... ngày... của (cấp đề nghị thẩm định);

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân;

Các căn cứ khác có liên quan ……

Sau khi thẩm định, *(Cơ quan chủ trì thẩm định)* báo cáo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng *(tên công trình)* như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình: *(ghi tên công trình theo Quyết định phê duyệt dự án).*

Loại công trình: ……..; Cấp công trình: …….

Thuộc dự án …. *(trường hợp phê duyệt của dự án thành phần).*

2. Địa điểm xây dựng: Xã/phường …, huyện/quận …, tỉnh/TP ….

3. Chủ đầu tư: *...(ghi tên Chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án)*

4. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: ..... đồng *(Bằng chữ: ....).*

5. Nguồn vốn đầu tư: ..... *(ghi theo Quyết định phê duyệt dự án/dự án thành phần).*

6. Hình thức đầu tư:*...(ghi theo QĐ phê duyệt dự án/dự án thành phần)*

7. Nhà thầu tư vấn:

- Tư vấn khảo sát (địa hình, địa chất hoặc kiểm định hiện trạng...): ...
- Tư vấn lập thiết kế xây dựng công trình: ....
- Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình *(nếu có)*: ....

II. Hồ sơ trình thẩm định:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định

a) Văn bản pháp lý: *(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình thẩm định).*

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng bước thiết kế trình thẩm định: *(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định như: Hồ sơ thiết kế, dự toán: ....; Hồ sơ thẩm tra thiết kế, thẩm định giá ... (nếu có); Hồ sơ khảo sát (địa chất, địa hình hoặc kiểm định hiện trạng ...) và các hồ sơ liên quan kèm theo).*

c) Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình: Liệt kê: *Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).*

2. Các tiêu chuẩn, định mức, đơn giá xây dựng áp dụng: .....

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Tổng mặt bằng xây dựng, kiến trúc, kết cấu, hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có)

III. Kết quả thẩm định thiết kế xây dựng:

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng (nếu có): *Đánh giá về nội dung hồ sơ thiết kế, thẩm tra thiết kế đơn vị trình duyệt (như: Hồ sơ khảo sát có báo cáo kết quả khảo sát (địa chất, địa hình...) được lập đảm bảo đủ điều kiện để tính toán thiết kế nền móng công trình. Hồ sơ thiết kế, thẩm tra thiết kế do đơn vị tư vấn lập, chủ đầu tư trình duyệt được lập phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn, quy phạm; đủ điều kiện để thẩm định trình duyệt.*

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế (nếu có).

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế bước trước được cơ quan chuyên môn đóng dấu xác nhận.

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định. Kiểm tra thiết kế xây dựng về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp không phải thẩm tra thiết kế theo quy định.

5. Về thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và các yêu cầu khác theo quy định có liên quan.

6. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế xây dựng (nếu có): ...

IV. Kết quả thẩm định dự toán:

1. Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng công trình; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình.

2. Sự phù hợp của dự toán xây dựng công trình với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình.

3. Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng với các nội dung và yêu cầu của dự án.

4. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; về việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng công trình.

5. Danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).

6. Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế.

7. Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi công công trình và mặt bằng giá thị trường (nếu có).

8. Giá trị dự toán sau thẩm định (theo từng khoản mục chi phí).

Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của từng khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định.

9. Nội dung khác (nếu có).

V. Kết luận và kiến nghị:

- Kiến nghị đối với ... *(Thủ trưởng cấp phê duyệt thiết kế xây dựng)*; Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình .... sau khi thẩm định đảm bảo điều kiện (hoặc chưa đủ điều kiện) phê duyệt.

Kính đề nghị ... *(Thủ trưởng cấp phê duyệt)* xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c .... (để b/cáo);
- ..... (để thực hiện);
- Lưu: .....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02. Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng (Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BCA ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

(1) (2)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:	*....., ngày ..... tháng ..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt thiết kế xây dựng *(bước thiết kế, tên công trình)...*

THỦ TRƯỞNG (2)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Tờ trình số ...ngày ../.../.. của ...(3)...(kèm theo hồ sơ) về việc thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và Báo cáo kết quả thẩm định số ... ngày ../.../.. của ...(4)...;

Theo đề nghị của (4) tại .... ngày ..... tháng ..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế xây dựng *(bước thiết kế, tên công trình)* với những nội dung sau:

1. Tên công trình: *(ghi Tên công trình theo Quyết định phê duyệt dự án).*

Loại công trình: .....; Cấp công trình: .....

Thuộc dự án .... *(trường hợp phê duyệt của dự án thành phần)*

2. Địa điểm xây dựng: Xã/phường ..., huyện/quận ..., tỉnh/TP ....

3. Chủ đầu tư: *...(ghi tên Chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án)*

4. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: ..... đồng *(Bằng chữ: ....).*

5. Nguồn vốn đầu tư: ..... *(ghi theo Quyết định phê duyệt dự án/dự án thành phần).*

6. Hình thức đầu tư:*...(ghi theo Quyết định phê duyệt dự án/dự án thành phần).*

7. Đơn vị tư vấn:

- Tư vấn khảo sát (địa hình, địa chất hoặc kiểm định hiện trạng...): ...
- Tư vấn lập thiết kế xây dựng công trình: ....
- Tư vấn thẩm tra thiết kế xây dựng công trình *(nếu có)*: ....

8. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

9. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình:

10. Các giải pháp thiết kế chủ yếu (về kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có)).

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

12. Các nội dung khác: *(nếu có)* .....

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 và Báo cáo kết quả thẩm định của (4), hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và triển khai các bước tiếp theo, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Công an về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ đầu tư và Thủ trưởng (các đơn vị liên quan) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đ/c .... (để b/c);
- Các cơ quan;
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG (2)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cấp trên của cấp phê duyệt; trường hợp cấp phê duyệt là Bộ Công an thì không có nội dung này.

(2) Cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế xây dựng.

(3) Người đề nghị thẩm định.

(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp phê duyệt.